TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 7 - 2024
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Việt Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp

Ông Trương Công Minh

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thị Cúc, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 316/2024/TLST-HNGĐ ngày 30/5/2024 về việc "Xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/6/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1994

Nơi cư trú: Ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Trịnh Nhật T, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị S trình bày*:

Hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S và anh Trịnh Nhật T kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không lo làm ăn, cờ bạc, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hay cự cãi nhau, không quan tâm nhau, mặc dù đã hòa giải hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có kết quả. Thực tế giữa chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2022. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Con chung: Có một con chung tên Trịnh Tuyết N, sinh ngày 20/6/2013 hiện đang sống chung với chị S. Khi ly hôn chị S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Chị S xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Chị S xác định không có nợ chung.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Trịnh Nhật T đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử, nhưng anh T vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S và anh Trịnh Nhật T xác lập quan hệ vợ chồng trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lý Văn Lâm thành phố Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 63 quyển số 01/2013 theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Xét yêu cầu ly hôn của chị S đối với anh T, thấy rằng: Hôn nhân phải được xây dựng và vun đắp từ hai phía, bằng tình nghĩa, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện công việc trong gia đình. Tại phiên tòa chị S xác định do anh T không lo làm ăn, cờ bạc, trong cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, không quan tâm nhau, vợ chồng hay cự cãi nhau và chị không còn tình cảm với anh T nên chị không thể duy trì quan hệ hôn nhân với anh T, thực tế anh chị đã sống ly thân từ năm 2022. Đối với anh T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để anh T đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử nhưng anh T vắng mặt không có lý do, điều đó chứng tỏ anh T cũng không mong muốn duy trì mối quan hệ hôn nhân với chị S. Xét thấy mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị S với anh T như đã nêu là lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu của chị S được ly hôn với anh T.

[2] Con chung: Có một con chung tên Trịnh Tuyết N, sinh ngày 20/6/2013. Xét thấy sau khi chị S và anh T không còn chung sống với nhau thì cháu N theo sống cùng chị S. Tại biên bản ghi nhận ý kiến cháu Nhi vào ngày 20/6/2024 thì cháu N có nguyện vọng tiếp tục theo sống cùng mẹ, hơn nữa thấy rằng cháu N là nữ giới, do đó để đảm quyền lợi cho sự phát triển về mọi mặt của cháu N, nên chấp nhận yêu cầu của chị S, giao cháu N cho chị S tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị S không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

[4] Nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình chị S phải chịu án phí theo quy định. *Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 144, 147, 277 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S.

- Hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Trịnh Nhật T.

- Con chung: Giao cháu Trịnh Tuyết N, sinh ngày 20/6/2013 hiện đang sống cùng chị S cho chị S tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Trịnh Nhật T, không cấp dưỡng nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị S phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng. Ngày 29/5/2024 chị S đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0008736 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Trịnh Nhật T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. C;
- UBND xã Lý Văn Lâm, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Phạm Việt Trung